

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 169/2025/DS-ST
Ngày 25 – 06 – 2025
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA TỈNH ĐỒNG NAI ⁽⁴⁾

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Huỳnh Thị Kim Kiên

Bà: Nguyễn Thị Hạnh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thu Thùy

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên**

tòa: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 06 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 613/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 09 năm 2019 về “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2025/QĐXX-ST ngày 15 tháng 05 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 1486/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 06 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*

- Bà **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: N, khu phố A, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Ông **Ngô Văn Đ**, sinh năm 1963

Địa chỉ: A, khu phố C, phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (theo hợp đồng ủy quyền ngày 14/5/2025)

- Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1955;

Địa chỉ: E (số mới F), đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai. (Đã xuất cảnh sang Hoa Kỳ không rõ địa chỉ).

2. *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Khắc V**, sinh năm 1957 (chết ngày 07/7/2021)

Địa chỉ: E (số mới F), đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

3. *Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Khắc V*:

- Bà **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: N, khu phố A, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1955;

Địa chỉ: E (số mới F), đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai. (Đã xuất cảnh sang Hoa Kỳ không rõ địa chỉ).

- Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1950;

- Bà **Nguyễn Thị Kim Thanh P**, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: E (số mới F), đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Ông **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1965;

Hộ khẩu thường trú: E (số mới F), đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: Phòng S, Nhà A, Lô CD, Chung cư K, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông **Nguyễn Anh D**, sinh năm 1960;

Địa chỉ: A, đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1953;

Địa chỉ: B, khu phố E, phường N, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* :

- Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1950;

- Bà **Nguyễn Thị Kim Thanh P**, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: E (số mới F), đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Ông **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1965;

Hộ khẩu thường trú: E (số mới F), đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: Phòng S, Nhà A, Lô CD, Chung cư K, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Anh T, bà Nguyễn Thị Kim T: Luật sư **Ngô Văn D**, sinh năm 1976 – Công ty Luật TNHH MTV Biên Hùng thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ: số C đường B, phường D (phường B cũ), thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Ông **Nguyễn Anh D**, sinh năm 1960;

Địa chỉ: A, đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1953;

Địa chỉ: B, khu phố E, phường N, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1975

Trú tại: A1, KPE, phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện nay: X khu phố T, phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1933

- Bà **Phạm Thị Hoài H**, sinh năm 1968

- Bà **Phạm Thị Hoài T**, sinh năm 1973

- Cháu **Nguyễn Hoài Ngọc H**, sinh năm 2002

Cùng trú tại: D1 (X), tổ S, đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Ông **Phạm Mạnh T**, sinh năm 1964

- Bà **Võ Thị Thùy N**, sinh năm 1965

- Cháu **Phạm Mạnh D**, sinh năm 2000

Cùng trú tại: Q, tổ X, đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Bà **Phạm Thị Hoài T**, sinh năm 1970
- Cháu **Vũ Minh N**, sinh năm 2000
- Cháu **Vũ Phạm Quỳnh N**, sinh năm 2007

Cùng trú tại: C, tổ X, đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Bà **Phạm Thị H1**, sinh năm 1953
- Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1961
- Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1995
- Anh **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1998

Cùng trú tại: A, tổ X, đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1956
- Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1957
- Chị **Nguyễn Thị Kim Thanh T**, sinh năm 1982
- Chị **Nguyễn Thị Kim Thanh T1**, sinh năm 1986
- Chị **Nguyễn Thị Kim Thanh T2**, sinh năm 1994
- Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1954
- Cháu **Hàng Gia L**, sinh năm 2015
- Cháu **Hàng Gia L1**, sinh năm 2019

Cùng trú tại: B, tổ X, đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Bà **Nguyễn Thị Kim O**, sinh năm 1966

Địa chỉ: Phòng B, lô A, phường V, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1967

Địa chỉ: Z, khu phố E, phường T (nay là phường D), thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Ông **Huỳnh Thanh P**, sinh năm 1974

Địa chỉ: E (số mới F), đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu

phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, bà D, ông D, ông H, ông T, bà P, Ls D, ông Đ có mặt; Ông P, bà T1, bà O, bà Kim T vắng mặt (có đơn xin vắng mặt); Ông N, bà Thị T, bà H, bà T, cháu H, ông T, bà N, cháu D, bà T, cháu N, cháu Vũ Phạm Quỳnh N, bà H, ông T, ông T, anh T, bà T, ông T, chị T, chị T, chị T, bà S, cháu L, cháu L vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:**

Cha mẹ chúng tôi là ông Nguyễn Văn K (chết năm 1980) và mẹ bà Phạm Thị H1 (chết năm 2001). Lúc sinh thời cha mẹ chung sống có được 08 người con chung (không có con ngoài giá thú, con nuôi) gồm:

1. Bà Nguyễn Thị Kim T.
2. Ông Nguyễn Văn H.
3. Ông Nguyễn Anh D.
4. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh P.
5. Ông Nguyễn Khắc V. (chết ngày 07/7/2021)
6. Ông Nguyễn Anh T.
7. Bà Nguyễn Thị Ngọc D.

8. Ông Nguyễn Văn N, ở tại phường T, TP H, đến năm 2012 xuất cảnh sang Hoa kỳ không rõ địa chỉ.

Khi cha mẹ qua đời di sản để lại gồm: 01 căn nhà cấp 4 và 02 thửa đất số 199 - 205, tờ bản đồ 08 tọa lạc tại số nhà A, Quốc lộ B, phường T, TP H, tỉnh Đồng Nai. Ngoài ra không còn tài sản nào khác. Khi cha mẹ qua đời không để lại di chúc. Hiện nay căn nhà nằm trên thửa đất 199 tờ bản đồ số 08 do bà T, bà P và ông T quản lý. Còn lại thửa đất 205 tờ bản đồ 08 thì đang cho ông Huỳnh Thanh P thuê làm tiệm sửa xe, bà Nguyễn Thị Kim O thuê bán hủ tiếu và bà Nguyễn Thị Kim L thuê bán cơm.

Hiện nay trên diện tích đất tranh chấp tại địa chỉ E (số mới F), đường Võ Thị S, KP 1, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai gồm: Nguyễn Thị Kim T; bà Nguyễn Thị Kim Thanh P đang sinh sống, riêng đối với ông Nguyễn Anh T có hộ khẩu tại địa chỉ trên nhưng ông cư trú tại 207, lô A, nhà CD chung cư Bình Khánh, Quận 2, TP HCM.

Theo chứng thư thẩm định giá di sản thừa kế lần hai trị giá di sản là 28.887.000.000 đ (Hai tám tỷ tám trăm tám mươi bảy triệu đồng chẵn) trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Khắc V chết, ông V không có vợ con cha mẹ ruột đã chết tuy nhiên theo quy định của pháp luật những người thuộc thừa kế thứ hai là anh em gồm ông Nguyễn Anh T, bà Nguyễn Thị Kim T, bà

Nguyễn Thị Kim Thanh P, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Anh D, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Ngọc D là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Khắc V.

Nay tôi có nguyện vọng nhận toàn bộ di sản thừa kế: nhà và đất thuộc thửa số 199 tờ bản đồ số 08, và thửa đất số 205, tờ bản đồ số 08 tại phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, theo giá 30.000.000.000 đồng (*ba mươi tỷ đồng*) cao hơn giá chứng thư thẩm định lần hai và sẽ giao tiền mặt cho những đồng thừa kế khác trong vòng 30 ngày và tôi không yêu cầu các đồng thừa kế phải thanh toán cho tôi chi phí tố tụng trừ tiền án phí của mỗi người nếu có.

Thông nhất sử dụng giá theo chứng thư thẩm định giá số 329/TĐG-CT ngày 28/01/2021 của Công ty thẩm định giá Đồng Nai và không yêu cầu thẩm định giá lại.

Về chi phí tố tụng và án phí: Tôi đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Tôi đồng ý nhận thay phần thừa kế của ông N để quản lý, sau này khi ông N hoặc người hàng thừa kế thứ nhất của ông N có yêu cầu tôi sẽ giao lại.

*** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N theo đơn khởi kiện trình bày:**

Cha mẹ chúng tôi là ông Nguyễn Văn K (chết năm 1980) và mẹ bà Phạm Thị H1 (chết năm 2001). Lúc sinh thời cha mẹ chung sống có được 08 người con chung (không có con ngoài giá thú, con nuôi) gồm:

1. Bà Nguyễn Thị Kim T.
2. Ông Nguyễn Văn H.
3. Ông Nguyễn Anh D.
4. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh P.
5. Ông Nguyễn Khắc V.
6. Ông Nguyễn Anh T.
7. Bà Nguyễn Thị Ngọc D.
8. Ông Nguyễn Văn N.

Khi cha mẹ qua đời di sản để lại gồm: 01 căn nhà cấp 4 và 02 thửa đất số 199- 205, tờ bản đồ 08 tọa lạc tại số nhà A, Quốc lộ B, phường T, TP H, tỉnh Đồng Nai. Ngoài ra không còn tài sản nào khác. Khi cha mẹ qua đời không để lại di chúc. Hiện nay căn nhà nằm trên thửa đất 199 tờ bản đồ số 08 do bà T, bà P và ông T quản lý. Còn lại thửa đất 205 tờ bản đồ 08 thì đang cho ông Huỳnh Thanh P thuê làm tiệm sửa xe, bà Nguyễn Thị Kim O thuê bán hủ tiếu và bà Nguyễn Thị Kim L thuê bán cơm.

Sau nhiều lần bàn bạc trong gia đình và hòa giải tại địa phương về việc phân chia di sản thừa kế cũng không đi đến thống nhất nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

*** Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn (ông Nguyễn Khắc V)**

đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim Thanh P, ông Nguyễn Anh T trình bày:

Cha mẹ chúng tôi là ông Nguyễn Văn K (chết năm 1980) bà Phạm Thị H1 (chết năm 2001) lúc ông K và bà H1 còn sống cùng chung sống với nhau có sinh được 08 người con chung (Không có con ngoài giá thú, con nuôi) gồm:

1. Bà Nguyễn Thị Kim T.
2. Ông Nguyễn Văn H.
3. Ông Nguyễn Anh D.
4. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh P.
5. Ông Nguyễn Khắc V. (chết ngày 07/7/2021)
6. Ông Nguyễn Anh T.
7. Bà Nguyễn Thị Ngọc D.

8. Ông Nguyễn Văn N ở tại phường T TP H, đến năm 2012 xuất cảnh sang Hoa kỳ không rõ địa chỉ.

Khi cha mẹ chúng tôi chết có để lại di sản sau gồm:

- 1 căn nhà cấp 4 và 02 thửa đất số 199 tờ bản đồ số 8 có diện tích 186,5 m². Thửa đất số 205 tờ bản đồ số 8 có diện tích 228,8 m² đều tọa lạc tại địa chỉ số A, Quốc lộ B, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Khi cha mẹ tôi qua đời không để lại di chúc cho ai thừa kế di sản trên. Hiện nay căn nhà cấp 4 nằm trên thửa đất 199, tờ bản đồ số 08 do tôi, ông T, bà P đang quản lý sử dụng. Còn thửa đất số 205, tờ bản đồ số 08 lúc ông V còn sống ông V quản lý sử dụng hiện nay đang cho ông Huỳnh Thanh P thuê làm tiệm sửa xe, bà Nguyễn Thị Kim O thuê bán hủ tiếu và bà Nguyễn Thị Kim L thuê bán cơm.

Theo chứng thư thẩm định giá số 329/TĐG-CT ngày 28/01/2021 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai thì giá trị di sản như sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa 199, tờ bản đồ 08 tại địa E (số mới F), Quốc lộ B, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai có trị giá: 12.997.611.000 đồng (*mười hai tỷ, chín trăm chín mươi bảy triệu, sáu trăm mười một ngàn đồng*).

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất 205, tờ bản đồ 08 nhà E (số mới F) Quốc lộ B, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai có trị giá: 15.889.696.900 đồng (*mười lăm tỷ, tám trăm tám mươi chín triệu, sáu trăm chín mươi sáu ngàn, chín trăm đồng*).

Tổng trị giá tài sản 02 thửa đất trên là: 28.887.000.000 đồng (*hai mươi tám tỷ, tám trăm tám mươi bảy triệu đồng*): 7 phần = mỗi người được hưởng 4.126.714.285 đồng

Chúng tôi có nguyện vọng và thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho chúng tôi được nhận thửa đất số 199, tờ bản đồ 08 có diện tích 186,5 m² có căn nhà cấp 4, tại địa E (số mới F), Quốc lộ B, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai

có giá trị: 12.997.611.000 đồng. Vì chúng tôi được sinh ra ở đó và lớn lên nên chúng tôi đã gắn bó đối với thửa đất này từ đó cho đến nay đã được hơn 65 năm hiện tại, ông T, bà P là người đang trực tiếp quản lý và ở trên thửa đất 199, tờ bản đồ 08. Ngoài ra chúng tôi không còn chỗ ở nào khác. Nên nguyện vọng của chúng tôi rất mong muốn nhận thửa đất này để có chỗ ở ổn định cũng như để thờ cúng cha mẹ, ông bà cũng như không làm ảnh hưởng xáo trộn thay đổi cuộc sống của chúng tôi sau này. Tôi chấp nhận sẽ trả lại tiền chênh lệch cho các thừa kế ông H, ông D, ông N, bà D với số tiền được tính như sau: 12.997.611.000 đồng (giá trị thửa 199) - 12.380.142.855 (bà T, ông T, bà P được chia) = tiền chênh lệch là 617.468.145 đồng.

Số tiền 617.468.145 đồng: 3 người = 205.822.715 đồng (bà T, ông T, bà P thanh toán tiền chênh lệch lại cho các hàng thừa kế).

Chúng tôi đồng ý giao thửa đất 205, tờ bản đồ 08 nhà E (số mới F) Quốc lộ B, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai có giá trị 15.889.696.900 đồng cho ông H, ông D, ông N, bà D toàn quyền quyết định.

Trước đây bà T và bà P cùng khởi kiện nhưng đã rút đơn khởi kiện. Đề nghị Tòa án đình chỉ.

Tại phiên tòa ông T và bà T, bà P vẫn giữ nguyên ý kiến ban đầu chỉ nhận thửa đất 199 và giao thửa 205 cho các đồng thừa kế khác. ông T và bà T, bà P chỉ muốn nhận phần thừa kế mình mong muốn, không nhận quản lý thay phần thừa kế của ông N. Đối với thửa đất 205 hiện đang có phần diện tích lấn sang nhà bà T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì ông T và bà T đồng ý trả lại phần lấn chiếm theo quy định pháp luật

- Ông Nguyễn Văn H trình bày:

Cha mẹ chúng tôi là ông Nguyễn Văn K (chết năm 1980) bà Phạm Thị H1 (chết năm 2001) lúc ông K và bà H1 còn sống cùng chung sống với nhau có sinh được 08 người con chung (Không có con ngoài giá thú, con nuôi) gồm:

1. Bà Nguyễn Thị Kim T.
2. Ông Nguyễn Văn H.
3. Ông Nguyễn Anh D.
4. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh P.
5. Ông Nguyễn Khắc V. (chết ngày 07/7/2021)
6. Ông Nguyễn Anh T.
7. Bà Nguyễn Thị Ngọc D.

8. Ông Nguyễn Văn N ở tại phường T TP H, đến năm 2012 xuất cảnh sang Hoa kỳ không rõ địa chỉ.

Cha mẹ tôi mất có để lại hai thửa đất 199 và 205 tọa lạc tại phường Quyết Thắng ông V là người quản lý thửa đất 205, nay đã mất ngày 7/7/2021, ông V không có vợ con.

Vào năm 2007 tôi có khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thừa kế của cha mẹ

tôi để lại đối với ông Nguyễn Khắc V thửa 199 và thửa 205 tọa lạc tại A, phường T. Nay ông V đã chết không còn vợ con.

Ông đã rút đơn khởi kiện đề nghị Tòa án đình chỉ. Nay với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật cho ông nhận 1/7 di sản thừa kế tranh chấp.

Thống nhất sử dụng giá theo chứng thư thẩm định giá số 329/TĐG-CT ngày 28/01/2021 của Công ty thẩm định giá Đồng Nai và không yêu cầu thẩm định giá lại.

Về chi phí tố tụng và án phí: Tôi đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa tôi vẫn giữ nguyên ý kiến không nhận hai thửa đất mà chỉ nhận giá trị tương ứng với phần thừa kế của mình. Tôi không nhận quản lý thay phần thừa kế của ông N. Đối với thửa đất 205 hiện đang có phần diện tích lấn sang nhà bà T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì tôi đồng ý trả lại phần lấn chiếm theo quy định pháp luật.

- Ông Nguyễn Anh D trình bày:

Cha mẹ chúng tôi là ông Nguyễn Văn K (chết năm 1980) bà Phạm Thị H1 (chết năm 2001) lúc ông K và bà H1 còn sống cùng chung sống với nhau có sinh được 08 người con chung (Không có con ngoài giá thú, con nuôi) gồm:

1. Bà Nguyễn Thị Kim T.
2. Ông Nguyễn Văn H.
3. Ông Nguyễn Anh D.
4. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh P.
5. Ông Nguyễn Khắc V. (chết ngày 07/7/2021)
6. Ông Nguyễn Anh T.
7. Bà Nguyễn Thị Ngọc D.

8. Ông Nguyễn Văn N ở tại phường T TP H, đến năm 2012 xuất cảnh sang Hoa kỳ không rõ địa chỉ.

Vào năm 2007 tôi có khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thừa kế của cha mẹ tôi để lại đối với ông Nguyễn Khắc V thửa 199 và thửa 205 tọa lạc tại A, phường T. Nay ông V đã chết không còn vợ con.

Ông đã rút đơn khởi kiện đề nghị Tòa án đình chỉ. Nay với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông có nguyện vọng muốn nhận lại phần tài sản thừa kế bằng tiền. Ai nhận thửa 199 và thửa 205 thì thôi lại phần tiền thừa kế cho ông bằng 1/7 giá trị tài sản đó.

Trong trường hợp không ai nhận hoặc nhận mà không có khả năng tài chính để thôi lại thì tôi đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử và phát mãi tài sản để tôi được nhận phần thừa kế của tôi.

Thống nhất sử dụng giá theo chứng thư thẩm định giá số 329/TĐG-CT ngày 28/01/2021 của Công ty thẩm định giá Đồng Nai và không yêu cầu thẩm định giá

lại.

Về chi phí tố tụng và án phí: Tôi đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa tôi vẫn giữ nguyên ý kiến không nhận hai thửa đất mà chỉ nhận giá trị tương ứng với phần thừa kế của mình. Tôi không nhận quản lý thay phần thừa kế của ông N. Đối với thửa đất 205 hiện đang có phần diện tích lấn sang nhà bà T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì tôi đồng ý trả lại phần lấn chiếm theo quy định pháp luật.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

- Theo bản tự khai ngày 8/1/2025 bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Tôi là chủ sở hữu thửa đất số 285, tờ bản đồ số 8 diện tích 287.6 m², địa chỉ thửa đất là phường T thành phố H tỉnh Đồng Nai

Nguồn gốc đất tôi đang sử dụng và số liệu được mua đấu giá của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tổ chức ngày 8/9/2009 đất giao có tính tiền. Hiện nay tôi đã có giấy phép xây dựng số 670/GPXD. Ủy ban nhân dân ngày 14 tháng 4/2023 và đã có bản vẽ và kèm theo và đến ngày 14 tháng 4/2023 tôi cho đập bức tường rào xây dựng theo đúng giấy phép thì đo vẽ lại bị thửa đất 205 lấn chiếm theo bằng vẽ đo đạc ngày 15 tháng 5/2023. Diện tích lấn cho tôi (căn cứ theo bản đồ hiện trạng khu đất số 2118/2023 do văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - chi nhánh Biên Hòa ký ngày 15 tháng 5/2023

Mặc dù làm việc với hộ dân 205 tại phường T nhưng họ không đồng ý và nay tôi làm đơn này và bản tự khai này để yêu cầu tòa án. Buộc thửa đất 205 trả lại phần đất lấn chiếm của thửa 285 đúng diện tích lấn chiếm cho tôi cụ thể là phần đất theo các mốc 2, 3, 4, 5, 6, 2. Theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 960/2021 ngày 5 tháng 1 /2021 của văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai chi nhánh Biên Hòa đã có chứng thực định giá không có ý kiến gì

Tôi yêu cầu trả lại đất không trả lại tiền về án phí giải quyết theo quy định pháp luật.

- Theo bản tự khai ngày 01/02/2021 bà Nguyễn Thị Kim O trình bày:

Tôi có thuê mặt bằng của ông Nguyễn Khắc V tại phường T thành phố H tỉnh Đồng Nai để bán hủ tiếu thời hạn thuê là chín năm. Từ tháng 5 năm 2012 đến nay giá thuê là 3.5 triệu đồng trên tháng Quán Hủ Tiếu do ông V xây dựng tôi chỉ thuê lại mặt bằng nay các bên có tranh chấp di sản thừa kế thì đề nghị tòa án giải quyết theo quy định tôi không có tranh chấp và không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Theo bản tự khai ngày 01/02/2021 ông Huỳnh Thanh P trình bày:

Tôi có thuê lại mặt bằng của ông Nguyễn Khắc V để mở tiệm sửa xe máy từ năm 2016 đến nay giá thuê là 7.5 triệu đồng/tháng tại thời điểm thuê có ký hợp đồng. Tuy nhiên sau này tại đất có tranh chấp nên không ký hợp đồng nữa tôi có bỏ tiền ra sửa mặt bằng nhưng nếu sau này các bên đương sự lấy lại mặt bằng thì tôi sẽ tự tháo dỡ không yêu cầu bồi thường. Nay các đương sự tranh chấp di sản

thừa kế thì tôi lại đề nghị giải quyết theo quy định, tôi không có tranh chấp và không có yêu cầu gì trong vụ án.

Theo bản tự khai ngày 19/03/2025 bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Tôi có thuê của ông Nguyễn Khắc V một phần diện tích đất để mở quán cơm thuê từ năm 2016. Do nhà thuê trước đây bị sập nên tôi có gia cố lại sau này các bên đương sự lấy lại đất thì tôi tự tháo dỡ và không đòi bồi thường. Nay các đương sự xảy ra tranh chấp di sản thừa kế thì đề nghị giải quyết theo quy định tôi không có tranh chấp và yêu cầu gì trong vụ án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Bà Nguyễn Thị Kim T, bà Phạm Thị H1oài H, bà Phạm Thị H1oài T, cháu Nguyễn Hoài Ngọc H, ông Phạm Mạnh T, ông Võ Thị Thùy N, cháu Phạm Mạnh D, bà Phạm Thị H1oài T, cháu Vũ Minh N, cháu Vũ Phạm Quỳnh N, bà Phạm Thị H1, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Minh T, anh Nguyễn Đức T, bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Kim Thanh T, chị Nguyễn Thị Kim Thanh T1, chị Nguyễn Thị Kim Thanh T2, bà Nguyễn Thị S, cháu Hàng Gia L, cháu Hàng Gia L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

- Về thụ lý vụ án và thời hạn chuẩn bị xét xử; việc thu thập chứng cứ; thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ pháp luật Tòa án xác định quan hệ pháp luật “ *Tranh chấp về chia di sản thừa kế* ” là phù hợp; việc xác định tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

+ Về thẩm quyền giải quyết: Di sản thừa kế là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại phường T (nay là phường D) thành phố Biên Hòa nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa là đúng quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật TTDS.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu chia di sản thừa kế cha mẹ để lại là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; cụ thể:

Về nguồn gốc tài sản, di sản thừa kế và hàng thừa kế được các đương sự thừa nhận như sau: Căn nhà số E (số mới F) nằm trên thửa đất 199 và thửa đất 205 tờ bản đồ 08 tọa lạc, phường T (phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai do ông Nguyễn Văn K (chết năm 1980) và bà Phạm Thị H1 (chết năm 2001) tạo lập. ông K và bà H1 có tất cả 08 người con (không có con ngoài giá thú và con nuôi) gồm các ông, bà: Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1950; Nguyễn Thị Kim Thanh P, sinh

năm 1968; Nguyễn Anh T, sinh năm 1965; Nguyễn Anh D, sinh năm 1960; Nguyễn Văn H, sinh năm 1953; Nguyễn Khắc V, sinh năm 1957 (chết năm 2021, không có vợ con); Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1966; Nguyễn Văn N, sinh năm 1955 (xuất cảnh Hoa Kỳ năm 2012), cha mẹ ông, bà đều đã chết.

Do ông K, bà H1 chết không để lại di chúc nên ông V, bà D khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại theo pháp luật là có căn cứ chấp nhận. Hàng thừa kế thứ nhất của ông K, bà H1 gồm 08 người con nêu trên nên được hưởng di sản thừa kế của ông bà để lại theo quy định tại Điều 676 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ Theo chứng thư thẩm định giá số 329/TĐG - CT ngày 28/01/2021 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đồng Nai thì giá trị di sản như sau:

- 01 căn nhà số E (số mới F) trên thửa đất 199, tờ bản đồ 08 trị giá 101.717.900 đồng. Quyền sử dụng đất trị giá 12.868.500.000 đồng

- Quyền sử dụng đất thửa 205, tờ bản đồ 08 trị giá 15.787.200.000 đồng và Nhà và tài sản trên thửa đất 205 trị giá 230.828.900 đồng.

Tổng giá trị tài sản (di sản ông K, bà H1 để lại) là 28.887.000.000 đồng được chia làm 08 kỷ phần bằng nhau: 28.887.000.000 đồng : 08 (kỷ phần) = 3.610.870.000 đồng (*ba tỷ sáu trăm mười triệu tám trăm bảy mươi ngàn đồng*).

Tuy nhiên căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông V chết năm 2021 (không có vợ con). Do đó kỷ phần thừa kế của ông V được chia lại cho hàng thừa kế thứ hai gồm 07 người (là các anh chị em ruột của ông V) như sau: 3.610.870.000 đồng: 7 (kỷ phần) = 515.838.571 đồng.

Đối với kỷ phần của ông N được hưởng thừa kế theo pháp luật, do ông N đã xuất cảnh sang Hòa Kỳ vào năm 2012 nhưng không rõ địa chỉ cụ thể nơi ông N nhập cảnh. Căn cứ theo án lệ số 06/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về tranh chấp thừa kế thì cần tạm giao giá trị di sản ông N được hưởng là 3.610.870.000 đồng + 515.838.571 đồng = 4.126.708.000 đồng (*bốn tỷ một trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm không tám ngàn đồng*) cho bà D quản lý, khi ông N hoặc hàng thừa kế thứ nhất của ông N có yêu cầu bà D có trách nhiệm thanh toán lại. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc chia thừa kế của ông N do Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần không đến Tòa án làm việc theo quy định tại Điều 217 Bộ luật TTDS.

Đình chỉ yêu cầu về việc chia di sản thừa kế của các ông bà: H, D, T, P do có đơn rút yêu cầu khởi kiện. Về đơn phản tố của ông V yêu cầu chia phần tài sản mà trước đây cha mẹ ông đã cho ông H, ông D, bà D. Quá trình xem xét đơn ông V không yêu cầu giải quyết và nay ông V đã chết nên đình chỉ giải quyết theo quy định tại Điều 217 BLTTDS.

Xét yêu cầu nhận di sản thừa kế bằng hiện vật của các hàng thừa kế được xem xét như sau:

Về di sản thừa đất 199 gắn liền căn nhà số E (số mới F) đường Võ Thị S, KP1, phường T (nay là Võ Thị S), thành phố H, tỉnh Đồng Nai hiện nay toàn bộ anh chị em đều có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên nhưng không trực tiếp quản lý ở, chỉ có bà T và bà P, ông T trực tiếp ở quản lý sử dụng nên ưu tiên giao toàn bộ di sản trên cho bà T và bà P, ông T.

Về di sản thừa đất 205, tờ bản đồ 08 tọa lạc tại đường Võ Thị S, KP1, phường T, nay là khu phố B, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai bà T, ông T, bà P không đồng ý nhận. Tuy nhiên bà D cũng có ý kiến nhận phần giá trị sau khi chia thừa kế. Do đó để đảm bảo điều kiện thi hành án đối với bản án này thì giao luôn thừa đất 205, tờ bản đồ 08 cho bà T, ông T, bà P trực tiếp sử dụng. Vì vậy, bà T, ông T, bà P phải có nghĩa vụ thanh toán lại các phần thừa kế theo chứng thư thẩm định giá cho các đồng thừa kế còn lại.

Đối với bà Nguyễn Thị Kim T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án cho rằng thừa đất số 205 tờ bản đồ số 08 phường D có hiện trạng sử dụng lấn chiếm thừa đất 198 của bà được Nhà Nước công nhận. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án bà T không có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định nên dành quyền khởi kiện cho bà T trong vụ án khác khi bà có yêu cầu.

Về án phí và chi phí tố tụng: Các bên đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:** Bà Nguyễn Thị Ngọc D, ông Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Khắc V chia di sản thừa kế do cha mẹ để lại, toàn bộ tài sản trên là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại phường T (nay là phường D) thành phố H. Như vậy, quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”. Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[2] **Về tố tụng:**

[2.1] Ông Nguyễn Văn K (chết năm 1980) và bà Phạm Thị H1 (chết năm 2001). Đến tháng 4/2007 các con khởi kiện yêu cầu chia di sản của cha mẹ để lại gồm nhà và đất tại phường T là còn thời hiệu giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn N là nguyên đơn, người liên quan gồm bà Nguyễn Thị Kim T, bà Phạm Thị Hoài H, bà Phạm Thị Hoài T, cháu Nguyễn Hoài Ngọc H, ông Phạm Mạnh T, ông Võ Thị Thùy N, cháu Phạm Mạnh D, bà Phạm Thị Hoài T, cháu Vũ Minh N, cháu Vũ Phạm Quỳnh N, bà Phạm Thị H1, ông Nguyễn Văn T,

ông Nguyễn Minh T, anh Nguyễn Đức T, bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Kim Thanh T, chị Nguyễn Thị Kim Thanh T1, chị Nguyễn Thị Kim Thanh T2, bà Nguyễn Thị S, cháu Hàng Gia L, cháu Hàng Gia L1 tuy nhiên ông N, bà T, bà H, bà T, cháu H, ông T, ông N, cháu D, bà T, cháu N, cháu N, bà H, ông T, ông T, anh T, bà T, ông T, chị T, chị T, chị T, bà S, cháu L, cháu L1 vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, bà Nguyễn Thị Kim T, ông Huỳnh Thanh P, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim O vắng mặt (có đơn xin vắng mặt) nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn nhà số E (số mới F) nằm trên thửa đất 199 và thửa đất 205 tờ bản đồ số 08 đường Võ Thị S, KP1, phường T, TP H, tỉnh Đồng Nai do ông Nguyễn Văn K (chết năm 1980) và bà Phạm Thị H1 (chết năm 2001) tạo lập. ông K và bà H1 có tất cả 08 người con (không có con ngoài giá thú và con nuôi) thì hiện nay có 07 người con sinh sống tại thành phố H, tỉnh Đồng Nai, còn ông Nguyễn Văn N hiện nay định cư tại Hoa Kỳ (chưa rõ địa chỉ). Do ông N là đồng nguyên đơn cùng khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế cùng 05 anh chị em khác nhưng lại không thông báo cho Tòa án biết nơi cư trú mới, Tòa án không thể triệu tập làm việc hòa giải và xét xử, là tự bỏ quyền khởi kiện của ông nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông N. Đồng thời để đảm bảo quyền lợi của ông N là người thừa kế ở nước ngoài chưa rõ địa chỉ Tòa án áp dụng Án lệ số 06/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, phần thừa kế của ông N sẽ tạm giao cho những người đang sống trong nước quản lý để sau này người thừa kế của họ có quyền hưởng theo pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] Ông Nguyễn Văn K (chết năm 1980) bà Phạm Thị H1 (chết năm 2001), 02 ông bà sinh được 08 người con gồm: ông Nguyễn Khắc V (chết năm 2021), ông Nguyễn Văn N, ông bà Nguyễn Thị Kim Thanh P, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Anh T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Anh D và bà Nguyễn Thị Ngọc D, hiện nay những người này đều còn sống. Cha mẹ ruột của ông K và bà H1 đều đã chết trước 02 ông bà. ông K và bà H1 không có cha mẹ nuôi, con nuôi, con riêng.

[3.2] Các đương sự thống nhất theo số đo, diện tích đo đạc thực tế tại các Biên bản (V/v xem xét, thẩm định tại chỗ phục vụ cho việc định giá) và các Biên bản (V/v định giá tài sản), các sơ đồ đo vẽ kèm theo; quyền sử dụng thửa đất 199 và 205 tờ bản đồ số 08 tại phường T (nay là phường D) thành phố Biên Hòa và tài sản gắn liền với đất cùng một số vật dụng là tài sản của ông K và bà H1 để lại.

[3.3] Các đương sự đều khai hoàn toàn thống nhất thời điểm mở thừa kế, diện thừa kế, những người đã tạo lập tài sản trên đất (công trình xây dựng) và một số vật dụng gia đình. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đều không có nghĩa vụ phải chứng minh những tình tiết này.

[3.4] Xác định di sản: Khi qua đời ông K và bà H1 có 08 người con đẻ của ông bà là hàng thừa kế thứ nhất (không còn cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng và không có con nuôi), di sản để lại ông bà đều không lập di chúc. Do đó, căn cứ Điều 674; 675; 676 Bộ luật dân sự năm 2005 Tòa án xem xét chia di sản thừa kế của ông K, bà H1 theo pháp luật cho 08 người con thành 08 kỷ phần là đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa các hàng thừa kế đều thỏa thuận thống nhất giá trị tài sản theo chứng thư thẩm định giá số 329/TĐG-CT ngày 28/01/2021 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai thì giá trị di sản như sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa 199, tờ bản đồ 08 tại địa E (số mới F), Quốc lộ B, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai có trị giá: 12.997.611.000 đồng (*mười hai tỷ, chín trăm chín mươi bảy triệu, sáu trăm mười một ngàn đồng*).

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất 205, tờ bản đồ 08 nhà 98/28 (số mới 108) Quốc lộ B, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai có trị giá: 15.889.696.900 đồng (*mười lăm tỷ, tám trăm tám mươi chín triệu, sáu trăm chín mươi sáu ngàn, chín trăm đồng*).

Tổng cộng là 28.887.000.000 đồng (*Hai tám tỷ tám trăm tám mươi bảy triệu đồng chẵn*) để làm cơ sở phân chia kỷ phần cho 08 anh chị em trong gia đình cụ thể: 28.887.000.000 đồng: 08 (kỷ phần) = 3.610.870.000 đồng (*ba tỷ sáu trăm mười triệu tám trăm bảy mươi ngàn đồng*).

Tuy nhiên căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Nguyễn Khắc V chết năm 2021 (không có vợ con) nên kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Khắc V được chia lại cho hàng thừa kế thứ hai gồm 07 người (là các anh chị em ruột của ông V) như sau: 3.610.870.000 đồng: 7 (kỷ phần) = 515.838.571 đồng.

Về di sản thừa đất 199 gắn liền căn nhà số E (số mới F) đường Võ Thị S, KP1, phường T, TP H có giá trị 12.997.611.000 đồng (*mười hai tỷ, chín trăm chín mươi bảy triệu, sáu trăm mười một ngàn đồng*), hiện nay toàn bộ anh chị em đều có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên nhưng không trực tiếp quản lý ở, chỉ có bà Nguyễn Thị Kim Thanh P, bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp ở quản lý sử dụng, đồng thời ông Nguyễn Anh T cũng xin cùng nhận thửa 199 nên ưu tiên tạm giao toàn bộ di sản trên cho bà Nguyễn Thị Kim Thanh P, bà Nguyễn Thị Kim T, ông Nguyễn Anh T được quyền quản lý, sử dụng và định đoạt thửa đất và phải có trách nhiệm thanh toán lại giá trị cho 4 người còn lại tương đương mỗi người được nhận giá trị 1/7 của nhà, đất nêu trên,

Về di sản thừa đất 205, tờ bản đồ 08 tọa lạc tại đường Võ Thị S, KP1, phường Quyết Thắng, TP Biên Hòa có giá trị 15.889.696.900 đồng (*mười lăm tỷ, tám trăm tám mươi chín triệu, sáu trăm chín mươi sáu ngàn, chín trăm đồng*), các ông bà Nguyễn Thị Kim Thanh P, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Anh T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Anh D và bà Nguyễn Thị Ngọc D đều không đồng ý nhận. Xét

thấy bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Nguyễn Văn N là người khởi kiện nhưng hiện nay ông Nguyễn Văn N không có mặt tại phiên Tòa nên Hội đồng xét xử tạm giao bà Nguyễn Thị Ngọc D là người khởi kiện được quyền quản lý, sử dụng và định đoạt thửa đất và phải có trách nhiệm thanh toán lại giá trị cho 6 người còn lại tương đương mỗi người được nhận giá trị 1/7 của nhà, đất nêu trên.

Đối với kỷ phần của ông Nguyễn Văn N đang ở nước ngoài (chưa rõ địa chỉ) tạm giao cho bà Nguyễn Thị Ngọc D quản lý cho ông Nguyễn Văn N.

Đình chỉ yêu cầu về việc chia di sản thừa kế của các ông bà: H, D, T Phương do có đơn rút yêu cầu khởi kiện. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn N do ông N triệu tập hợp lệ hai lần không đến Tòa án làm việc. Về đơn phản tố của ông V yêu cầu chia phần tài sản mà trước đây cha mẹ ông đã cho ông H, ông D, bà D. Quá trình xem xét đơn ông V không yêu cầu giải quyết và nay ông V đã chết nên đình chỉ giải quyết theo quy định tại Điều 217 BLTTDS.

[4] Về chi phí do vẽ, thẩm định giá:

Bà Nguyễn Thị Ngọc D tạm ứng toàn bộ chi phí là 195.298.146 đồng (*một trăm chín mươi lăm triệu hai trăm chín mươi tám ngàn một trăm bốn mươi sáu đồng*), nên các hàng thừa kế gồm bà T, ông H, ông D, ông T, bà P và ông N mỗi người có trách nhiệm thanh toán trả cho bà D là 27.899.736 đồng (*hai mươi bảy triệu tám trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng*).

[5] Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Sung công quỹ Nhà nước tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm của ông N 333.000 đồng (*ba trăm ba mươi ba ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai số 0003076 ngày 16/4/2007 của Chi cục Thi hành án thành phố Biên Hòa.

+ Mỗi kỷ phần thừa kế phải nộp 31.126.714 đồng (được tính 01, tỷ = 28.000.000 đồng + 3.126.414 đồng (phần vượt 3.126.714.285 đồng x 0,1%)= 31.126.714 đồng). Vậy:

Ông Nguyễn Văn N phải nộp 31.126.714 đồng (*ba mươi một triệu một trăm hai mươi sáu ngàn bảy trăm mười bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị Kim T, ông Nguyễn Anh T, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Anh D mỗi người phải nộp 31.126.714 đồng (*ba mươi một triệu một trăm hai mươi sáu ngàn bảy trăm mười bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Do bà Nguyễn Thị Kim T, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Anh D, ông Nguyễn Anh T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, bà Nguyễn Thị Kim T, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Anh D, ông Nguyễn Anh T được miễn không phải chịu án phí sơ thẩm.

+ Hoàn trả bà Nguyễn Thị Kim T, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Anh D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mỗi người đã nộp là 333.000 đồng (*ba trăm ba mươi ba ngàn đồng*) theo biên lai số 0003076 ngày 16/4/2007 của Chi cục Thi hành án thành phố Biên Hòa.

+ Bà Nguyễn Thị Kim Thanh P, bà Nguyễn Thị Ngọc D mỗi người phải nộp

31.126.714 đồng (*ba mươi một triệu một trăm hai mươi sáu ngàn bảy trăm mười bốn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mỗi người đã nộp là 333.000 đồng (*ba trăm ba mươi ba ngàn đồng*) theo biên lai theo biên lai số 0003076 ngày 16/4/2007 của Chi cục Thi hành án thành phố Biên Hòa. bà D, bà P mỗi người còn phải nộp 30.793.714 đồng (*ba mươi triệu bảy trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm mười bốn đồng*).

Đối với bà Kim T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án cho rằng thửa đất số 205 tờ bản đồ số 08 phường D có hiện trạng sử dụng lấn chiếm thửa đất 198 của bà được Nhà Nước công nhận. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án bà T không có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định nên dành quyền khởi kiện cho bà T trong vụ án khác khi bà có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 227, Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 305, Điều 634, Điều 635, Điều 674, Điều 675, Điều 676, Điều 685 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị định 70/CP ngày 12/6/1997 về án phí, lệ phí của Tòa án; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Áp dụng Án lệ số 06/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc D về việc “*Tranh chấp về chia di sản thừa kế*” đối với những di sản của ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Thị H1 để lại.

+ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim Thanh P, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Anh D và đơn phản tố của ông Nguyễn Khắc V.

+ Tạm giao cho bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim Thanh P, ông Nguyễn Anh T được quyền quản lý, sử dụng và định đoạt thửa đất số 199 tờ bản đồ 08 và giao quyền sở hữu 01 căn nhà số E (số mới F) đường Võ Thị S, KP1, phường T, TP H, tỉnh Đồng Nai gắn liền thửa đất 199 trị giá 12.997.611.000 đồng (*mười hai tỷ, chín trăm chín mươi bảy triệu, sáu trăm mười một ngàn đồng*). Cụ thể:

- Thửa đất 199 tờ bản đồ 08, diện tích 186,5m² (giới hạn bởi các mốc 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1), có tứ cận: Phía trước giáp đường Võ Thị S, phía sau giáp thửa 213, phía phải giáp thửa 200, phía trái giáp thửa 197 (theo bản đồ hiện trạng khu đất số 5529/2021 ngày 05/01/2021 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng

Nai - Chi nhánh Biên Hòa đo vẽ) và gắn liền là 01 căn nhà số E (số mới F), đường Võ Thị S, KP, phường T (nay là phường D), TP H có cấu trúc: cột gạch tường gạch, mái tôn, cửa sắt kính; nền gạch men + xi măng và mái che phía trước. Diện tích xây dựng là 133.1m² (theo bản vẽ hiện trạng nhà ngày 30/9/2020 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai- Chi nhánh Biên Hòa đo vẽ).

Bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim Thanh P, ông Nguyễn Anh T có trách nhiệm thanh toán kỹ phần thừa kế cho 4 người là ông Nguyễn Anh D, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Ngọc D số tiền là 1.856.801.572 đồng.

+ Tam giao cho bà Nguyễn Thị Ngọc D được quyền quản lý, sử dụng và định đoạt thửa đất số 205 tờ bản đồ 08 tọa lạc tại đường Võ Thị S, KP1, phường Quyết Thắng, TP Biên Hòa tỉnh Đồng Nai, diện tích 228,8m² (giới hạn bởi các mốc 1,2,6,7,1), giá trị 15.889.696.900 đồng (*mười lăm tỷ, tám trăm tám mươi chín triệu, sáu trăm chín mươi sáu ngàn, chín trăm đồng*); có tứ cận: Phía trước giáp đường Võ Thị S; phía sau và bên trái giáp thửa đất 213, phía phải giáp thửa 285-286 (theo bản đồ hiện trạng khu đất số 960/2021 ngày 05/01/2021 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Biên Hòa đo vẽ) và gắn liền là 01 căn nhà số E (số mới F), đường Võ Thị S, KP, phường Quyết Thắng (nay là phường Trung Dũng), TP Biên Hòa có cấu trúc: cột gạch tường gạch, mái tôn, cửa sắt kính; nền gạch men + xi măng. Diện tích xây dựng là 92.08m² (theo bản vẽ hiện trạng nhà ngày 30/9/2020 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Biên Hòa đo vẽ). Bà Nguyễn Thị Ngọc D có trách nhiệm thanh toán kỹ phần thừa kế cho 6 người là ông Nguyễn Anh D, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim Thanh P, ông Nguyễn Anh T số tiền là 2.269.956.700 đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim Thanh P, ông Nguyễn Anh T, bà Nguyễn Thị Ngọc D, có trách nhiệm liên hệ các cơ quan chức năng có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà theo quy định pháp luật.

Đối với kỹ phân của ông Nguyễn Văn N do ông N định cư tại Hòa Kỳ chưa rõ địa chỉ nên kỹ phân thừa kế của ông N sẽ tạm giao cho bà Nguyễn Thị Ngọc D đang sống trong nước quản lý để sau này giao lại cho ông N hoặc người thừa kế của ông N có quyền hưởng theo pháp luật.

Về chi phí đo vẽ, thẩm định giá:

Các hàng thừa kế bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim Thanh P, ông Nguyễn Anh D, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Anh T mỗi người có trách nhiệm thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc D số tiền là 27.899.736 đồng (*hai mươi bảy triệu tám trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng*) tiền chi phí đo vẽ và thẩm định giá.

Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Sung công quỹ Nhà nước tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm của ông N 333.000 đồng (*ba trăm ba mươi ba ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai số 0003076 ngày 16/4/2007 của Chi cục Thi hành án thành phố Biên Hòa.

+ Mỗi kỳ phân thừa kế phải nộp 31.126.714 đồng (được tính 01, tỷ = 28.000.000 đồng + 3.126.414 đồng (phần vượt 3.126.714.285 đồng x 0,1%) = 31.126.714 đồng). Vậy:

Ông Nguyễn Văn N phải nộp 31.126.714 đồng (*ba mươi một triệu một trăm hai mươi sáu ngàn bảy trăm mười bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị Kim T, ông Nguyễn Anh T, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Anh D mỗi người phải nộp 31.126.714 đồng (*ba mươi một triệu một trăm hai mươi sáu ngàn bảy trăm mười bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Do bà Nguyễn Thị Kim T, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Anh D, ông Nguyễn Anh T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, bà Nguyễn Thị Kim T, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Anh D, ông Nguyễn Anh T được miễn không phải chịu án phí sơ thẩm.

+ Hoàn trả bà Nguyễn Thị Kim T, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Anh D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mỗi người đã nộp là 333.000 đồng (*ba trăm ba mươi ba ngàn đồng*) theo biên lai số 0003076 ngày 16/4/2007 của Chi cục Thi hành án thành phố Biên Hòa.

+ Bà Nguyễn Thị Kim Thanh P, bà Nguyễn Thị Ngọc D mỗi người phải nộp 31.126.714 đồng (*ba mươi một triệu một trăm hai mươi sáu ngàn bảy trăm mười bốn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mỗi người đã nộp là 333.000 đồng (*ba trăm ba mươi ba ngàn đồng*) theo biên lai theo biên lai số 0003076 ngày 16/4/2007 của Chi cục Thi hành án thành phố Biên Hòa. bà D, bà P mỗi người còn phải nộp 30.793.714 đồng (*ba mươi triệu bảy trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm mười bốn đồng*).

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự (18);
- VKSND TP Biên Hòa (2);
- THADS TP Biên Hòa (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

LÊ HỒNG NGỌC

Số: 175/2025/QĐ-SCBSQĐ

Đồng Nai, ngày 11 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 486 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;
Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do lỗi đánh máy trong bản án số
169/2025/QĐST- DS ngày 25 tháng 06 năm 2025 về việc “*Tranh chấp chia di sản
thừa kế*”, giữa:

1. Nguyên đơn:

- Bà **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: N, khu phố A, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Ông **Ngô Văn Đ**, sinh năm 1963

Địa chỉ: A, khu phố C, phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (theo hợp
đồng ủy quyền ngày 14/5/2025)

- Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1955;

Địa chỉ: E (số mới F), đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu
phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai. (Đã xuất cảnh sang Hoa Kỳ
không rõ địa chỉ).

*2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Khắc V**, sinh năm 1957 (chết ngày 07/7/2021)*

Địa chỉ: E (số mới F), đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu
phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

4. Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Khắc V:

- Bà **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: N, khu phố A, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1955;

Địa chỉ: E (số mới F), đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu
phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai. (Đã xuất cảnh sang Hoa Kỳ
không rõ địa chỉ).

- Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1950;

- Bà **Nguyễn Thị Kim Thanh P**, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: E (số mới F), đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Ông **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1965;

Hộ khẩu thường trú: E (số mới F), đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: Phòng S, Nhà A, Lô CD, Chung cư K, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông **Nguyễn Anh D**, sinh năm 1960;

Địa chỉ: A, đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1953;

Địa chỉ: B, khu phố E, phường N, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

- Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1950;

- Bà **Nguyễn Thị Kim Thanh P**, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: E (số mới F), đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Ông **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1965;

Hộ khẩu thường trú: E (số mới F), đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: Phòng S, Nhà A, Lô CD, Chung cư K, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Anh T, bà Nguyễn Thị Kim T: Luật sư **Ngô Văn D**, sinh năm 1976 – Công ty Luật TNHH MTV Biên Hùng thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ: số C đường B, phường D (phường B cũ), thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Ông **Nguyễn Anh D**, sinh năm 1960;

Địa chỉ: A, đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1953;

Địa chỉ: B, khu phố E, phường N, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1975

Trú tại: A1, KPE, phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện nay: X khu phố T, phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1933

- Bà **Phạm Thị Hoài H**, sinh năm 1968

- Bà **Phạm Thị Hoài T**, sinh năm 1973

- Cháu **Nguyễn Hoài Ngọc H**, sinh năm 2002

Cùng trú tại: D1 (X), tổ S, đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Ông **Phạm Mạnh T**, sinh năm 1964

- Bà **Võ Thị Thùy N**, sinh năm 1965

- Cháu **Phạm Mạnh D**, sinh năm 2000

Cùng trú tại: Q, tổ X, đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Bà **Phạm Thị Hoài T**, sinh năm 1970

- Cháu **Vũ Minh N**, sinh năm 2000

- Cháu **Vũ Phạm Quỳnh N**, sinh năm 2007

Cùng trú tại: C, tổ X, đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Bà **Phạm Thị H1**, sinh năm 1953

- Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1961

- Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1995

- Anh **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1998

Cùng trú tại: A, tổ X, đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1956

- Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1957
- Chị **Nguyễn Thị Kim Thanh T**, sinh năm 1982
- Chị **Nguyễn Thị Kim Thanh T1**, sinh năm 1986
- Chị **Nguyễn Thị Kim Thanh T2**, sinh năm 1994
- Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1954
- Cháu **Hàng Gia L**, sinh năm 2015
- Cháu **Hàng Gia L1**, sinh năm 2019

Cùng trú tại: B, tổ X, đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Bà **Nguyễn Thị Kim O**, sinh năm 1966

Địa chỉ: Phòng B, lô A, phường V, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1967

Địa chỉ: Z, khu phố E, phường T (nay là phường D), thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Ông **Huỳnh Thanh P**, sinh năm 1974

Địa chỉ: E (số mới F), đường Võ Thị S, khu phố B, phường T (nay là khu phố B1, phường D), thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung bản án số 169/2025/QĐST- DS ngày 25 tháng 06 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai) như sau:

Tại dòng từ thứ 12 đến dòng thứ 15 trang 19 từ trên đếm xuống của bản án đã ghi:

“Bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim Thanh P, ông Nguyễn Anh T có trách nhiệm thanh toán kỹ phần thừa kế cho 4 người là ông Nguyễn Anh D, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Ngọc D số tiền là 1.856.801.572 đồng”

Tại dòng từ thứ 28 đến dòng thứ 31 trang 19 từ trên đếm xuống của bản án đã ghi:

“Bà Nguyễn Thị Ngọc D có trách nhiệm thanh toán kỹ phần thừa kế cho 6 người là ông Nguyễn Anh D, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim Thanh P, ông Nguyễn Anh T số tiền là 2.269.956.700 đồng”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

Tại dòng từ thứ 12 đến dòng thứ 15 trang 19 từ trên đếm xuống của bản án đã ghi:

“Bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim Thanh P, ông Nguyễn Anh T có trách nhiệm thanh toán kỹ phần thừa kế cho 4 người là ông Nguyễn Anh D, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Ngọc D, mỗi người số tiền là 1.856.801.572 đồng/ 1 người”

Tại dòng từ thứ 28 đến dòng thứ 31 trang 19 từ trên đếm xuống của bản án đã ghi:

“Bà Nguyễn Thị Ngọc D có trách nhiệm thanh toán kỹ phần thừa kế cho 6 người là ông Nguyễn Anh D, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim Thanh P, ông Nguyễn Anh T, mỗi người số tiền là 2.269.956.700 đồng/1 người”

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- THA tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Hồng Ngọc